TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 12 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Võ Văn Thỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hồng Duy K, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Kiều N, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Hồng Duy K trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 29-12-2014, anh Hồng Duy K và chị Lê Thị Kiều N kết hôn với nhau; đã đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do vợ chồng không hòa thuận dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân đến nay hai bên không còn tới lui để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mỗi người tự có cuộc sống riêng của mình. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Hồng Thiện N1, sinh ngày 15-4-2020, hiện đang sống chung với chị Lê Thị Kiều N.

Nay anh Hồng Duy K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Kiều N;

- Về con chung: Yêu cầu giao con chung tên Hồng Thiện N1, sinh ngày 15-4-2020 cho chị Lê Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh Hồng Duy K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các bên tự thỏa thuận, anh K không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến của bị đơn chị Lê Thị Kiều N:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn đang cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giải quyết vấn đề con chung; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn Hồng Duy K và bị đơn Lê Thị Kiều N đã tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của họ là hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, anh K cho rằng vợ chồng không hòa thuận nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho ly hôn nhưng trên thực tế thì vợ chồng đã ly thân; mỗi người đã ở một nơi và đều ổn định cuộc sống riêng của mình. Điều này cho thấy tình nghĩa vợ chồng đã không còn do họ không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình kể từ thời điểm ly thân. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp có vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho họ được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Anh

Hồng Duy K và chị Lê Thị Kiều N có 01 con chung tên Hồng Thiện N1, sinh ngày 15-4-2020. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo cho chị N biết về yêu cầu khởi kiện của anh K trong đó có yêu cầu về việc giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị N không có ý kiến phản đối hay đưa ra yêu cầu nào khác về việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, anh K thừa nhận hiện nay cháu N1 đang chung sống với chị N, cuộc sống của cháu được đảm bảo. Khi ly hôn, anh K đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu N1, Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Hồng Duy K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồng Duy K.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồng Duy K và chị Lê Thị Kiều N được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Hồng Thiện N1, sinh ngày 15-4-2020 cho chị Lê Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hồng Duy K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Hồng Duy K phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011070 ngày 18-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Vĩnh Quới;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm